

Số: 50 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu cải cách thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai
năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trên cơ sở Chính phủ giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Nghị quyết số 01/NQ-CP), Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 (Nghị quyết số 02/NQ-CP), Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu cải cách thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích:

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cắt giảm quy định kinh doanh, đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp, bảo đảm hoàn thành các

nhiệm vụ, chỉ tiêu cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số đã được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP.

2. Yêu cầu:

a) Nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP

- Tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh một cách thực chất, hiệu quả, sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính, quy định không cần thiết; không để phát sinh thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật mới không phù hợp, làm tăng chi phí, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa các cấp; tăng cường thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan hành chính nhà nước và khả năng đảm nhận các nhiệm vụ này của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đưa hoạt động quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo bộ, ngành, địa phương lên môi trường số.

b) Nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP:

- Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Công bố, công khai kịp thời các thủ tục hành chính, bao gồm các thủ tục hành chính nội bộ. Tăng trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản.

- Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất. Trong đó, phát huy vai trò của Bộ Tư pháp, Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thẩm định và của Văn phòng Chính phủ trong việc thẩm tra thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

- Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông cung cấp ở mức độ toàn trình.

- Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ để nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo yêu cầu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ trung ương tới địa phương phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP, NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP

1. Chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP

Stt	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2025 (%)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	80	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	60	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông

Stt	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2025 (%)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	60	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	80	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của tỉnh được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ nhiệm vụ chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số	100	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố
7	Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của tỉnh	100	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố
8	Tỷ lệ địa phương ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử theo quy định; ban hành quy chế khai thác, sử dụng, kết nối, tích hợp, chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử	100	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố
9	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy).	90	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
10	Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của tỉnh theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành	100	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố

Stt	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2025 (%)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia.			
11	Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống.	100	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố

2. Chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP

Stt	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2025 (%)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	Tối thiểu 50	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	Tối thiểu 90	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch này, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP. Đây là tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người

đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, chấm điểm cải cách hành chính năm 2025.

Kế hoạch này điều chỉnh một số nhiệm vụ, chỉ tiêu liên quan đến cải cách hành chính, kiểm soát TTHC giao tại Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 31/12/2024 về Cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025; Kế hoạch số 404/KH-UBND ngày 30/12/2024 về Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025 (Phụ lục đính kèm).

2. Sở Nội vụ theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị, tham mưu UBND tỉnh lồng ghép chấm điểm cải cách hành chính năm 2025.

3. Sở Tài chính bố trí đủ kinh phí cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Theo dõi chuyển đổi số của tỉnh, kịp thời hỗ trợ các đơn vị thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính được giao.

- Chủ trì đánh giá kết quả chuyển đổi số của các đơn vị; phối hợp Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh chấm điểm cải cách hành chính năm 2025.

5. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao trong năm; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính đối với các chỉ tiêu giao tại Kế hoạch này; tổng hợp khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Tổng đài 1022 (VNPT Đồng Nai);
- Phòng THNC (theo dõi nhiệm vụ được giao);
- Lưu VT, HCTC, HCC.



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: 50 /KH-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên nhiệm vụ, chỉ tiêu theo Kế hoạch Cải cách hành chính, kiểm soát TTTC đã ban hành		Nội dung chỉ tiêu điều chỉnh
	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu	
A	Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 31/12/2024 về Cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025		
A.1	Điều chỉnh, bổ sung phần nội dung Kế hoạch		
Mục 2.1 Kế hoạch	Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020		Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTTC trên các lĩnh vực quản lý (10% TTTC kiến nghị đơn giản hoá; giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa)
	Tỷ lệ số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công đạt 100%		Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 80%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử 100%
	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.		Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công: 60%

	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình; trong đó, 100% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến một phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80% tại cấp tỉnh, tối thiểu 50% tại cấp huyện, cấp xã.	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 80%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính: 60%.
	Tối thiểu 97% phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính được xử lý dứt điểm trong thời gian quy định;	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn: 100%
Mục 6.1 Kế hoạch	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước, hồ sơ đặc thù).	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy): 90%
A.2	Điều chỉnh, bổ sung phần phụ lục Kế hoạch	
Tại khoản 2, mục II Phụ lục	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC	Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý (10% TTHC kiến nghị đơn giản hoá; giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa)

Tại khoản 3.3, mục II Phụ lục	Tăng cường điện tử hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính	Số hoá kết quả TTHC đạt 100%	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 80%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử 100%
Tại khoản 3.4, mục II Phụ lục	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.		Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công: 60%
Tại khoản 3.5, mục II Phụ lục	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Tối thiểu 80% hồ sơ nộp trực tuyến được giải quyết tại các cấp (trong đó tối thiểu 70% hồ sơ dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp được xử lý trực tuyến toàn trình)		Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 80%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính: 60%.
Tại khoản 3, mục VI Phụ lục	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước, hồ sơ đặc thù).		Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy): 90%

Tại khoản 4, mục VI Phụ lục	Dãy mạnh cung cấp DVC trực tuyến cho người dân	100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 80%
B	Kế hoạch số 404/KH-UBND ngày 30/12/2024 về Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025		
Tại khoản 9, mục II	Nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ công trực tuyến, về giải quyết thủ tục hành chính, về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Tối thiểu 95% tỷ lệ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC, DVCTT	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp: tối thiểu 90%
Tại khoản 22, mục II	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ Cổng Dịch vụ công của tỉnh.		Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 80%
Tại khoản 27, mục II	Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp	Số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 80%

Tại khoản I, mục III	Tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Tổng đài Dịch vụ công 1022 của tỉnh và phúc đáp của chính quyền qua Cổng Thông tin điện tử của tỉnh	- 97% PAKN xử lý dứt điểm, đúng hạn; - 95% người dân hài lòng về giải quyết PAKN	- Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn: 100% - Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp: Tối thiểu 90%
-----------------------------	---	---	---